

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – LÂM ĐỒNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 12-9-2025

V/v: ly hôn; tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Ngô Thị Luân;
- Bà Nguyễn Thị Thùy.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Rung K'Nhuận – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2025/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 về việc: “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST– HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: thôn P, xã P, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn S, sinh năm 1980.

Địa chỉ: thôn P, xã P, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày thì:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2006, bà và ông Lê Văn S xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng) vào ngày 01/11/2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65, quyển số 01. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sinh sống tại xã L, huyện L (nay là xã T), tỉnh Lâm Đồng đến năm 2022 thì vợ chồng bà chuyển đến sinh sống tại thôn P, xã

P (trước đây là xã P, huyện L), tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc, có xảy ra mâu thuẫn nhưng vẫn giải quyết được; tuy nhiên đến nay vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, vợ chồng bà không thể hòa hợp được với nhau, ông S thường xuyên chơi bời, không chăm lo làm ăn kinh tế, dẫn đến nợ nần nhiều người. Bà đã chủ động nói chuyện với ông S để cố gắng hàn gắn tình cảm, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng ông S vẫn không thay đổi. Bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể cứu vãn được, bà xác định không còn tình cảm với ông S, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm với nhau được nữa. Vợ chồng bà đã sống ly thân nhau. Do đó, bà đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng giải quyết ly hôn giữa bà và ông Lê Văn S để ông, bà sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng bà có ba con chung tên là: Lê Quốc A, sinh ngày 18/10/2007; Lê Mỹ B, sinh ngày 01/6/2009 và Lê Đức A1, sinh ngày 05/7/2018. Khi ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao cả ba con chung cho bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Bà không yêu cầu ông Lê Văn S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng bà không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bà H không trình bày gì thêm.

Bị đơn ông Lê Văn S trình bày tại bản tự khai thì:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2006 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 01/11/2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65, quyển số 01. Sau khi kết hôn được 01 năm thì vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông ham chơi, bà H có khuyên can nhưng ông không từ bỏ được. Năm 2016, bà H làm đơn ly hôn, ông hứa sửa chữa nên bà H rút đơn ly hôn. Tuy nhiên, đến nay ông vẫn không sửa đổi được nên bà H tiếp tục làm đơn ly hôn. Ông không muốn ly hôn nhưng nếu bà H cương quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Vợ chồng ông có 03 con chung là: Lê Quốc A, sinh ngày 18/10/2007; Lê Mỹ B, sinh ngày 01/6/2009 và Lê Đức A1, sinh ngày 05/7/2018. Khi ly hôn, ông đồng ý giao cả ba con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông tự thỏa thuận nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng ông không có nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, ông S không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải nhưng vắng mặt một bên đương sự nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, các bên đương sự vắng mặt nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của bà Nguyễn Thị H, giải quyết cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Văn S. Về con chung, đề nghị giao con chung là Lê Quốc A, sinh ngày 18/10/2007; Lê Mỹ B, sinh ngày 01/6/2009 và Lê Đức A1, sinh ngày 05/7/2018 cho bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Ông Lê Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: bị đơn ông Lê Văn S cư trú tại: thôn T, xã P, tỉnh Lâm Đồng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn S xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã T, tỉnh Lâm Đồng) vào ngày 01/11/2007 nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình chung sống, bà H và ông S phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự thông cảm, chia sẻ với nhau; ông S không chịu khó làm ăn, không chăm lo phát triển kinh tế gia đình dẫn đến kinh tế bị sa sút, nợ nần. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông S đã lâm vào tình trạng, vợ chồng đã sống ly thân nhau nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Đồng thời, tại bản tự khai, ông S xác định ông không muốn ly hôn nhưng bà H cương quyết ly hôn nên ông S đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. Do đó, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân của ông, bà cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H xử cho bà H được ly hôn với ông S là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Bà H và ông S xác định vợ chồng có ba con chung tên là: Lê Quốc A, sinh ngày 18/10/2007; Lê Mỹ B, sinh ngày 01/6/2009 và Lê Đức A1, sinh ngày 05/7/2018. Khi ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo

dục cả ba con chung. Trong lời khai, ông S cũng đồng ý giao cả ba con chung cho bà H có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đồng thời, các con chung của ông, bà cũng có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy, qua xác minh, các con chung của ông S, bà H hiện vẫn đang sống cùng với bà H, bà H cũng có nguồn thu nhập ổn định từ việc kinh doanh phân bón nên có điều kiện nuôi tốt. Do đó, cần giao con chung tên là Lê Quốc A, sinh ngày 18/10/2007; Lê Mỹ B, sinh ngày 01/6/2009 và Lê Đức A1, sinh ngày 05/7/2018 cho bà H có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà H không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] *Về tài sản chung*: Bà H xác định vợ chồng không có tài sản chung; còn ông S xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung nên ông, bà thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: Bà H, ông S xác định vợ chồng không có nợ chung nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] *Về án phí*: Buộc bà H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H, xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Văn S.

2. Giao con chung tên là Lê Quốc A, sinh ngày 18/10/2007; Lê Mỹ B, sinh ngày 01/6/2009 và Lê Đức A1, sinh ngày 05/7/2018 cho bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Lê Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001999 ngày 07/8/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND khu vực 3 – Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh